

THÔNG BÁO
công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

- Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- Căn cứ nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025 NĐ-CP ngày 30/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

- Căn cứ Quyết định số 304-QĐ/ĐU ngày 14/7/2026 của Đảng uỷ xã Nà Phặc về việc phê duyệt thanh lý tài sản là xe ô tô phục vụ công tác chung biển kiểm soát 97A-004.36 của Văn phòng Đảng uỷ;

Đảng uỷ xã Nà Phặc thông báo công khai lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bán thanh lý 01 xe ô tô như sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức có tài sản đấu giá:

- Tên tổ chức có tài sản đấu giá: Văn phòng Đảng uỷ xã Nà Phặc.
- Địa chỉ: Thôn 3, xã Nà Phặc, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tên tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá

- 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA LANDCRUISER, biển kiểm soát: 97A-004.36 (biển số màu xanh). Loại phương tiện: Ô tô con, số người cho phép chở: 05 người; Màu sơn: Trắng; Số khung: JTECO01J-702002037; Số máy: 1FZ-0734407; Năm sản xuất: 2006. Giá khởi điểm tài sản đấu giá là: 85.000.000 đồng (Tám mươi năm triệu đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Tổ chức đấu giá tài sản được đánh giá, chấm điểm dựa theo các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 33 Thông tư số 19/2024/TT-BTP 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, cụ thể như sau:

- Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.
- Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.
- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.
- Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định
- Để đảm bảo cho việc đấu giá thành công, bên có tài sản đấu giá lựa chọn và ưu tiên tổ chức đấu giá có số điểm cao nhất theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm.

(Kèm theo bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản)

4. Hồ sơ gồm có:

- Hồ sơ pháp lý của tổ chức đấu giá;
- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm;
- Phương án đấu giá tài sản;
- Thù lao dịch vụ, chi phí tổ chức thực hiện đấu giá;
- Các tài liệu khác theo bảng tiêu chí đánh giá kèm theo;

(Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia).

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ: Từ 08 giờ 00 phút ngày 30/7/2026 đến 16 giờ 30 phút ngày 04/8/2026 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Địa điểm: Văn phòng Đảng uỷ xã Nà Phặc, tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ: thôn 3, xã Nà Phặc, tỉnh Thái Nguyên.

- Liên hệ: Vi Thị Hạnh, Phó Chánh Văn phòng Đảng uỷ, số điện thoại: 0377830777.

*** Lưu ý:**

- Người đến nộp hồ sơ đăng ký phải mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị và thẻ căn cước công dân.
- Hồ sơ nộp trực tiếp.

- Hồ sơ đã nộp không hoàn trả lại trong trường hợp không được lựa chọn.

Kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản để các tổ chức đấu giá tài sản theo quy định.

Đảng uỷ xã Nà Phặc thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký theo quy định.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng uỷ;
 - Cổng đấu giá tài sản quốc gia, BTP;
 - Trang thông tin điện tử xã Nà Phặc;
 - Lưu Văn phòng Đảng uỷ.
- HanhVT/VPĐU/6.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

Nguyễn Văn Hòa

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
*(Kèm theo Thông báo số: -TB/ĐU ngày /7/2026
của Đảng uỷ xã Nà Phặc)*

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu	4,0

	giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3,0

	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0

7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá Chỉ chấm một trong các số tiêu chí dưới đây	3,0
	Từ 60 hợp đồng trở lên	3,0
	Từ 40 hợp đồng đến dưới 60 hợp đồng	2,0
	Dưới 40 hợp đồng	1,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
3.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản công là tài sản thanh lý trong năm 2025 đạt tỷ lệ chênh lệch giữa giá trúng đấu giá và giá khởi điểm từ 300% trở lên	3,0
Tổng số điểm		100